

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2019/HS - ST**
Ngày: 28-5-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1./ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung
- 2./ Ông Phạm Văn Lâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2019/HSST ngày 21 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST – HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/HSST-QĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Ngọc T**, sinh năm 1984. Tại: T; Nơi ĐKKHKT: Số 49P3/12A, H, Phường 14, Quận 8, Thành phố H; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Ngọc T và bà Hồ Thị Đ; bị cáo có vợ là Phạm Thị Kim P và 01 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Ngày 10/4/2018 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 102 ngày 10/4/2018 và tại ngoại cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH một thành viên tài chính P Việt Nam. Trụ sở: Tòa nhà trung tâm thương mại Sài Gòn, số 37, đường T, Quận 1, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh C, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 123A, T, Phường 7, Quận 3, Thành phố H. (vắng mặt)

Người làm chứng: Nguyễn Phạm Xuân Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Ngọc T là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc B, có trụ sở tại lô K1-2-3-4, đường số 6, khu công nghiệp Đ, thị xã T, tỉnh B. Trong thời gian làm công nhân, Hoàng Ngọc T đã làm thủ tục vay tiền của 02 ngân hàng và 01 Công ty tài chính với tổng số tiền vay là 192.000.000 đồng. Để có tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định sẽ làm bộ hồ sơ cá nhân giả để vay tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn tài chính P – Chi nhánh thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có trụ sở tại phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Để thực hiện ý định trên, khoảng tháng 6 năm 2017 Hoàng Ngọc T thông qua mối quan hệ ngoài xã hội với người nam tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) là người chuyên làm hồ sơ giả để vay vốn của ngân hàng, công ty tài chính. Tâm sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo (không rõ số thuê bao) liên hệ với Đ và nói cho Đ biết là T cần làm bộ hồ sơ giả để làm thủ tục vay tiền của Công ty tài chính do trước đó T đã vay tiền của 02 ngân hàng, 01 công ty tài chính chưa trả hết. Khi nghe T nói, Đ nói để để tính sau. Sau đó khoảng 01 tuần T điện thoại cho Đ thì Đ yêu cầu T đọc thông tin cá nhân của T cho Đ, khi nào làm được Đ sẽ chủ động điện thoại cho T.

Đến khoảng đầu tháng 7 năm 2017 (T không nhớ rõ ngày cụ thể), Đ điện thoại cho T nói với T là hồ sơ cá nhân xin vay vốn của T hiện Đ đang làm và thỏa thuận với T khi nào vay được tiền T phải chi cho Đ số tiền từ 10% đến 20% trên tổng số tiền T vay được thì T đồng ý. Đến khoảng giữa tháng 7 năm 2017 có một người nam tên H điện thoại cho T và hẹn gặp T tại trước cổng khu công nghiệp Đ, thuộc tỉnh lộ 43, thị xã T, tỉnh B. Khi gặp H, H đưa cho T một tờ giấy trên đó có ghi các thông tin cho T đọc, để khi T đến Công ty tài chính P trả lời cho nhân viên thẩm định nhưng sau đó việc thẩm định không thành công do T đọc sai mã số nhân viên mà T cung cấp. Đến khoảng 08 giờ ngày 13/7/2017, H điện thoại cho T hẹn T ở cổng khu công nghiệp Đ và đưa cho T một bộ hồ sơ giả tên Hoàng Ngọc T để T làm thủ tục vay số tiền 100.000.000 đồng tại Công ty tài chính P - Chi nhánh thành phố Thủ Dầu Một, bộ hồ sơ gồm: 01 Giấy xác nhận mã số nhân viên, 01 sổ hộ khẩu photo 01 sổ tạm trú, 02 bản hợp đồng lao động, 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Hoàng Ngọc T, sinh năm 1985 có dán hình ảnh của T. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/7/2017, khi T đem toàn bộ hồ sơ giả đến Công ty tài chính P chi nhánh thành phố Thủ Dầu Một có trụ sở tại phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để nộp cho Công ty tài chính xem xét, phê duyệt cho T vay số tiền 100.000.000 đồng thì bị nhân viên công ty chính P chi nhánh thành phố Thủ Dầu Một là chị Nguyễn Phạm Xuân Đ, sinh năm 1994, đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố T, phường N, thị xã A, tỉnh B nghi ngờ toàn bộ hồ sơ của T là giả nên báo Ban lãnh đạo Công ty tài chính P chi nhánh thành phố Thủ Dầu Một. Ngay lúc đó, Công ty tài chính P chi nhánh thành phố Thủ Dầu Một trình báo sự việc đến Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Bình Dương. Cùng ngày Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Bình Dương chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 07/12/2017 và ngày 21/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định trưng cầu giám định số 19 và số 82 gửi đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương để trưng cầu giám định:

- Mẫu dấu của Công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc B trong đơn xin xác nhận của Hoàng Ngọc T, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú 9D3/12 H, phường 14, quận 8, thành phố H kính gửi ban giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc B Việt Nam đề ngày 11/7/2017 (tài liệu cần giám định) là thật hay giả?

- Chữ ký của trưởng phòng nhân sự - Công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc B Việt Nam trong đơn xi xác nhận của Hoàng Ngọc T, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú 9D3/12 H, phường 14, quận 8, thành phố H kính gửi ban giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc B Việt Nam đề ngày 11/7/2017 (tài liệu cần giám định) là thật hay giả?

- Mẫu dấu của Công an phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương trong sổ tạm trú số 080998260 (tài liệu cần giám định) là thật hay giả?

- Chữ ký của đồng chí Lê Hoàng P Phó trưởng Công an phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương trong sổ tạm trú số 080998260 (tài liệu cần giám định) là thật hay giả?

- Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Ngọc T sinh năm 1985 số 025913838 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2011 (tài liệu cần giám định) là thật hay giả?

Căn cứ Bản kết luận giám định số 470/GĐ-PC54 ngày 22/12/2017 và Bản kết luận số 31/GĐ-PC54 ngày 09/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Bình, kết luận:

- Chữ ký mang tên “Lê Hoàng P” và hình dấu tròn có nội dung “*CÔNG AN PHƯỜNG BÌNH HÒA*THUẬN AN – T BÌNH DƯƠNG” được đánh số từ 1 và 2 trên 01 (một) “Sổ tạm trú”, số 080998260, đề ngày 07/6/2017 (ký hiệu A2) so với chữ ký của Lê Hoàng P và hình dấu tròn có nội dung “*CÔNG AN PHƯỜNG BÌNH HÒA*CÔNG AN THỊ XÃ THUẬN AN T BÌNH DƯƠNG” trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) không phải do cùng một người ký và một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “*S.G.P:326 – Đ.T.N.NG*THUẬN AN – T. BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY MẶC B (VIỆT NAM)” trên 01 (một) “Đơn xin xác nhận”, đề ngày 11/7/2017 (ký hiệu A3) so với hình dấu tròn có nội dung “*S.G.P:326 – Đ.T.N.NG * TX. THUẬN AN – T. BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY MẶC B (VIET NAM)” trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên “F” dưới mục “Xác nhận của công ty (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) trên 01 (một) “Đơn xin xác nhận”, đề ngày 11/7/2017 (ký hiệu A3) so với chữ ký của Fatima trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M5 và M6) không cùng dạng nên không tiến hành giám định.

- Chế bản in “Giấy chứng minh nhân dân”, số 0259138xx, họ tên Hoàng Ngọc T”, sinh năm 1985, nơi ĐKKH thường trú: H, phường 14, quận 8, thành phố H, đề ngày

16/02/2011 (ký hiệu A) so với chế bản in trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 và M2) không phải do cùng một chế bản in ra.

Đối với người nam tên Đ và người nam tên H có hành vi cung cấp tài liệu giả cho Hoàng Ngọc T. Quá trình điều tra, T khai nhận là T quen biết ngoài xã hội, không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh, điều tra, xử lý theo quy định.

Đối với điện thoại di động hiệu Oppo (không rõ số thuê bao do không mở được nguồn và T không nhớ số điện thoại của mình) đã tạm giữ của Hoàng Ngọc T. Quá trình điều tra, xác định: T sử dụng điện thoại trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Cáo trạng số 48/CT - VKS - HS ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Hoàng Ngọc T về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T mức hình phạt tù từ 09 đến 12 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước một điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo (không mở được nguồn) không kiểm tra chi tiết tình trạng hoạt động.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Ngọc T không có ý kiến tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/7/2017 Hoàng Ngọc T có hành vi sử dụng tài liệu giả gồm 01 giấy xác nhận mã số nhân viên, 01 sổ hộ khẩu photo, 01 sổ tạm trú, 02 bản hợp đồng lao động, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Hoàng Ngọc T để vay số tiền 100.000.000 đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài chính P Việt Nam Chi nhánh thành phố Thủ Dầu Một, có trụ sở tại phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhưng chưa vay được số tiền 100.000.000 đồng thì bị phát hiện

nên hành vi mà bị cáo T thực hiện đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây mất uy tín của các Cơ quan nhà nước, làm mất lòng tin của nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, để đạt được mục đích (vay được tiền) mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên do bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo Tâm được hưởng án treo cũng không làm ảnh hưởng đến công tác phòng chống tội phạm chung tại địa phương.

[7] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo (không mở được nguồn) không kiểm tra chi tiết tình trạng hoạt động.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 106, 136, 260 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1./ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày Tòa tuyên án 28/5/2019.

Giao bị cáo Hoàng Ngọc T về Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hoàng Ngọc T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo” theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2./ Về biện pháp tư pháp tuyên: Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước (01) một điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo (không mở được nguồn) không kiểm tra chi tiết tình trạng hoạt động.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 076.19 ngày 31/01/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

3/ Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Ngọc T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm